

Số: 1584493

Giá niêm yết:

KÍCH THƯỚC - KHỐI LƯỢNG:

Kích thước tổng thể (mm)  
Chiều dài cơ sở (mm)  
Bán kính quay vòng tối thiểu (mm)  
Khoảng sáng gầm xe (mm)  
Khối lượng không tải (kg)  
Khối lượng toàn tải (kg)  
Thể tích khoang hành lý (L)  
Dung tích thùng nhiên liệu (L)  
Số chỗ ngồi  
Nguồn gốc

DẪN ĐỘNG - KHUNG GẮM:

Loại động cơ  
Dung tích xi lanh (cc)  
Công suất cực đại (hp @ rpm)  
Mômen xoắn cực đại (Nm @ rpm)  
Hộp số  
Hệ thống dẫn động  
Hệ thống treo trước  
Hệ thống treo sau  
Hệ thống phanh trước  
Hệ thống phanh sau  
Thông số lốp xe  
Tiêu thụ nhiên liệu đô thị (L/100km)  
Tiêu thụ nhiên liệu ngoài đô thị (L/100km)  
Tiêu thụ nhiên liệu hỗn hợp (L/100km)  
Chế độ lái

NGOẠI THẤT:

Cụm đèn trước  
Đèn trước tự động bật/tắt  
Đèn ban ngày LED  
Cụm đèn sau  
Gương chiếu hậu chỉnh điện, gập điện  
Gạt mưa tự động

NỘI THẤT - TIỆN NGHI:

Vô lăng bọc da  
Chất liệu ghế  
Ghế người lái chỉnh điện  
Ghế hành khách phía trước chỉnh cơ  
Kính cửa sổ chỉnh điện  
Màn hình đồng hồ đa thông tin  
Màn hình giải trí trung tâm  
Kết nối Apple Carplay/Android Auto  
Hệ thống điều hòa tự động

Kia Sportage 2.0G Premium  
819.000.000đ

4660 x 1865 x 1700  
2755  
5890  
190  
1520  
1970  
543  
54  
5  
SX-LR trong nước

Xăng 2.0L  
1999  
154 / 6200  
192 / 4500  
6AT  
Cầu trước (FWD)  
Mc Pherson  
Liên kết đa điểm  
Đĩa  
Đĩa  
235/55 R19  
9.5  
6.3  
7.5  
Normal / Eco / Sport / Smart

LED  
●  
●  
LED  
●  
●  
●  
Da  
●  
●  
●  
Digital Segment + LCD 4.2  
AVN 12.3”  
●  
●

Mazda6 2.5L Signature (2024)  
899.000.000đ

4865 x 1840 x 1450  
2830  
5600  
165  
1550  
2000  
480  
62  
5  
SX-LR trong nước

Skyactiv-G 2.5L  
2488  
188 / 6000  
252 / 4000  
6AT  
Cầu trước (FWD)  
Độc lập Mc Pherson  
Liên kết đa điểm  
Đĩa  
Đĩa  
225/45 R19  
9.57  
5.33  
6.89  
Normal/Sport

LED  
●  
●  
LED  
●  
●  
●  
Da (Nappa)  
●  
●  
Analog & Digital  
8  
●  
●

|                                         |                        |                |
|-----------------------------------------|------------------------|----------------|
| Số vùng khí hậu điều hòa                | 2                      | 2              |
| Cửa gió cho hàng ghế sau                | ●                      | ●              |
| Chìa khóa thông minh                    | ●                      | ●              |
| Khởi động nút bấm                       | ●                      | ●              |
| Khởi động từ xa                         | ●                      |                |
| Hệ thống âm thanh                       | 6 loa                  | 11 loa Bose    |
| Lấy chuyển số                           | ●                      | ●              |
| Phanh đỗ điện tử                        | ●                      | ●              |
| Giữ phanh tự động Autohold              | ●                      | ●              |
| Móc khóa ghế trẻ em ISOFIX              | ●                      | ●              |
| <b>AN TOÀN:</b>                         |                        |                |
| Số túi khí                              | 6                      | 6              |
| Hệ thống chống bó cứng phanh ABS        | ●                      | ●              |
| Hệ thống phân phối lực phanh EBD        | ●                      | ●              |
| Hệ thống cân bằng điện tử               | ●                      | ●              |
| Hệ thống hỗ trợ khởi hành ngang dốc HLA | ●                      | ●              |
| Mã hóa chống sao chép chìa khóa         | ●                      | ●              |
| Cảm biến hỗ trợ đỗ xe                   | Trước & Sau            | Trước & Sau    |
| Hệ thống cảnh báo điểm mù               | ●                      | ●              |
| Hệ thống điều khiển hành trình          | ●                      | -              |
| Hệ thống cảnh báo áp suất lốp           | ●                      |                |
| Camera lùi                              | ●(Tích hợp camera 360) | ● (Camera 360) |